



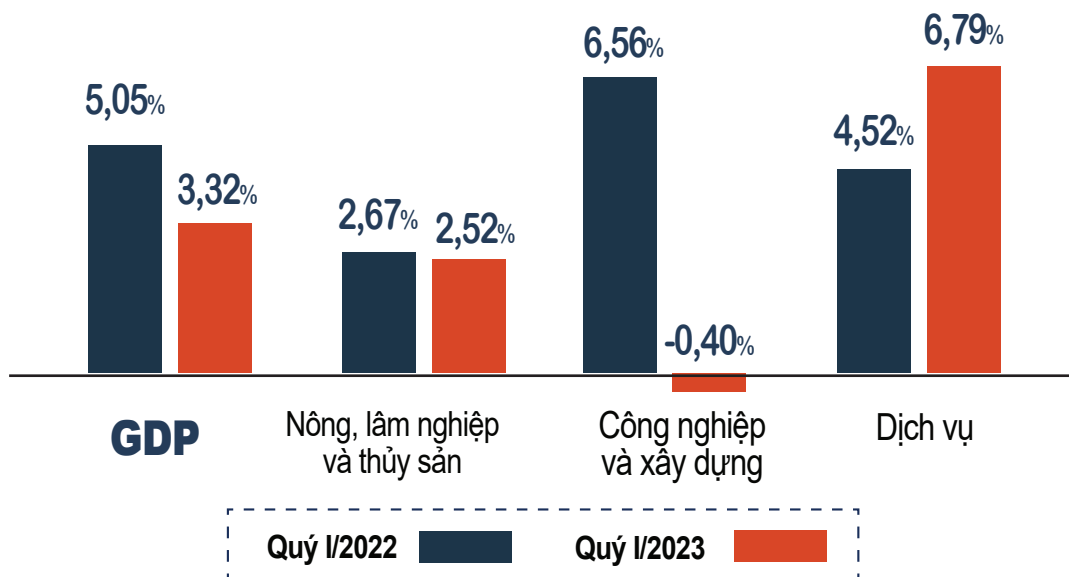
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI



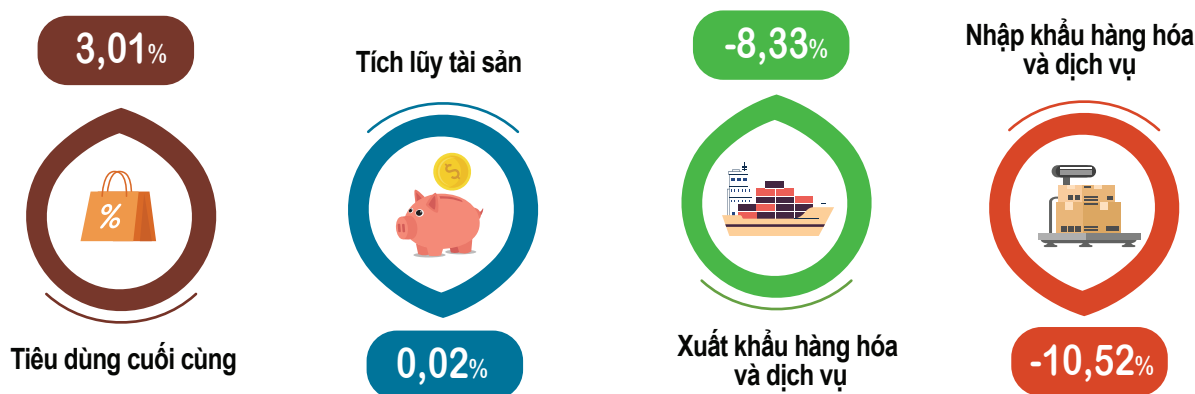
QUÝ I NĂM 2023

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP)

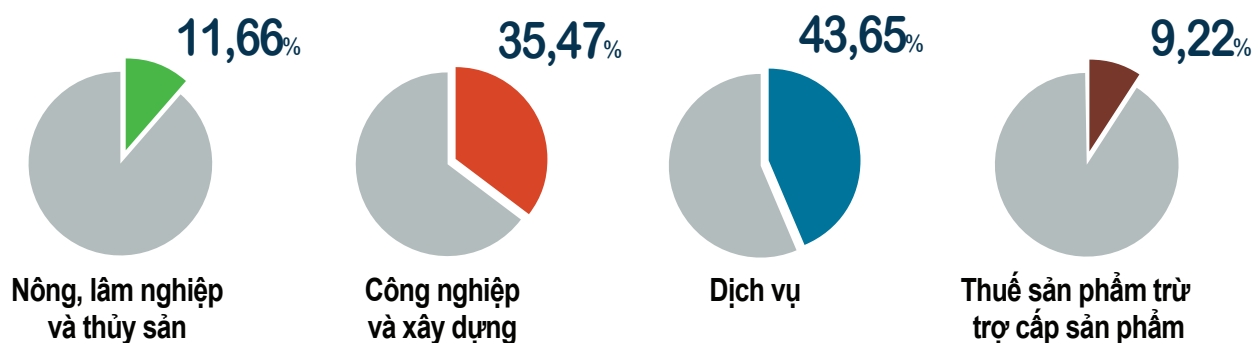
Tốc độ tăng GDP quý I so với cùng kỳ năm trước



GDP theo phương pháp sử dụng



Cơ cấu GDP quý I năm 2023



SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Trồng trọt tính đến 15/3/2023



Gieo trồng lúa và hoa màu
(Nghìn ha; so cùng kỳ năm 2022)

2.922,3

▼ 1,3%

Lúa Đông Xuân

177,9

▲ 3,9%

Lúa mùa vùng ĐB
sông Cửu Long

303,7

▲ 1,1%

Ngô

97,4

▼ 5,1%

Lạc

9,9

▼ 6,6%

Đậu tương

44,0

▼ 4,5%

Khoai lang

501,6

▲ 1,2%

Rau, đậu

Số lượng gia súc, gia cầm cuối tháng 3/2023 so với cùng thời điểm năm trước

▲ 6,2%



Lợn

▲ 2,4%



Gia cầm

▼ 2,4%



Trâu

▲ 1,9%



Bò

Lâm nghiệp quý I năm 2023



38,7 nghìn ha

▲ 4,7%

Diện tích rừng trồng mới tập trung

3,3 triệu m³

▲ 4,2%



Sản lượng gỗ khai thác

Sản lượng thủy sản quý I năm 2023

Tổng số

1.889,2 nghìn tấn

▲ 1,4%

Nuôi trồng

1.019,4

nghìn tấn

▲ 3,2%

Khai thác

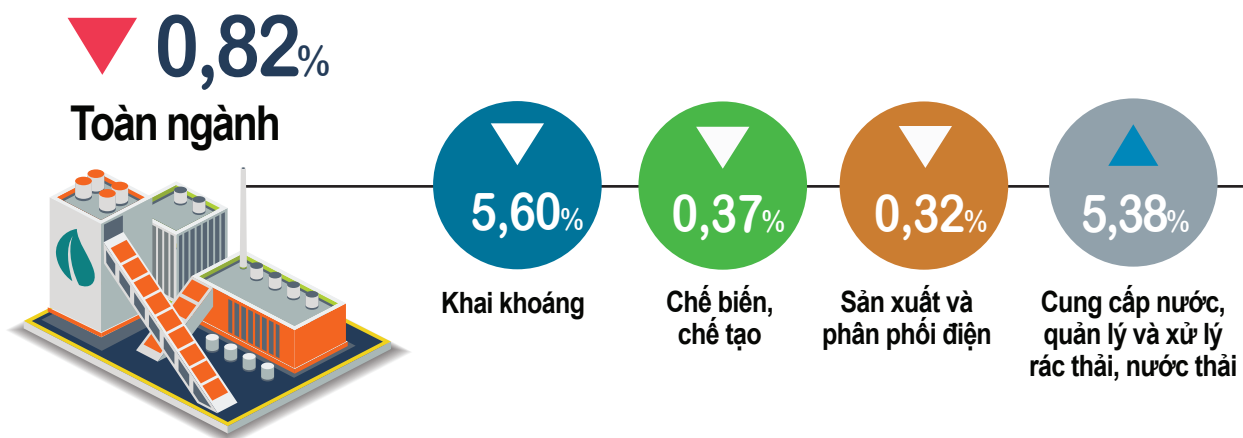
869,8

nghìn tấn

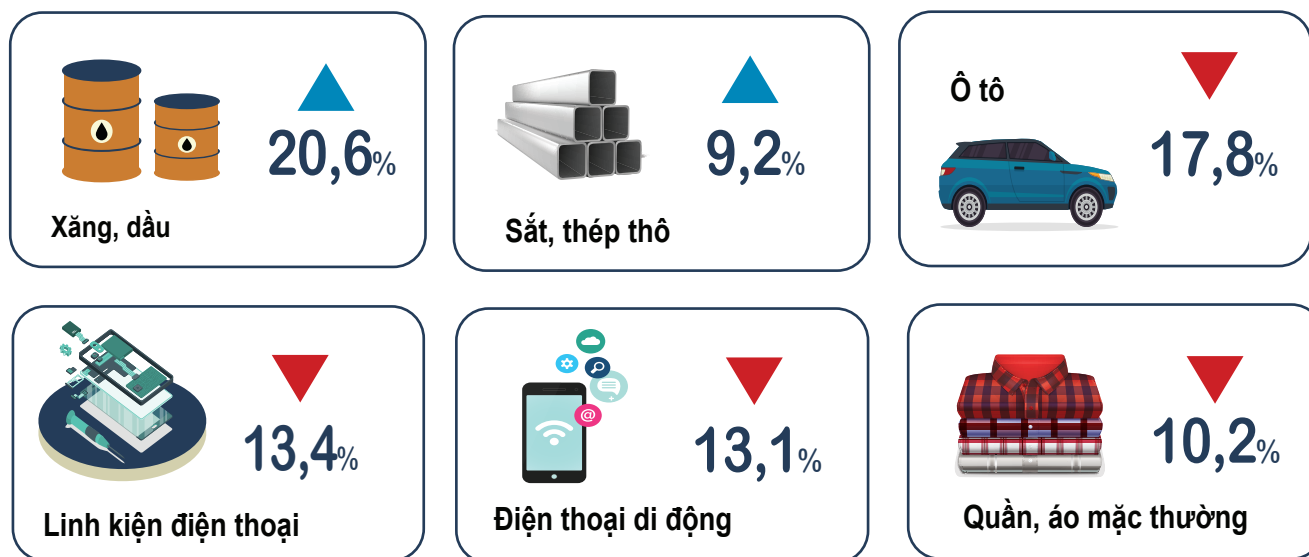
▼ 0,7%

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP QUÝ I NĂM 2023

Tốc độ tăng/giảm giá trị tăng thêm ngành công nghiệp so với cùng kỳ năm trước

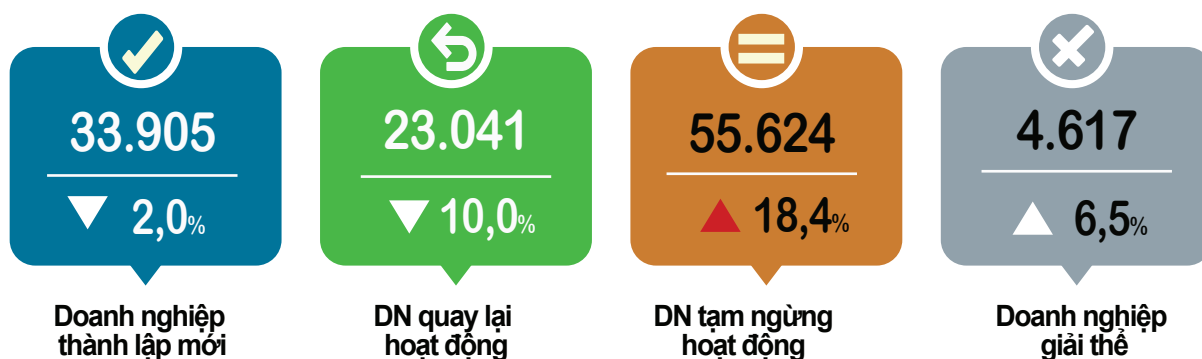


Tốc độ tăng/giảm một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu so với cùng kỳ năm trước



TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUÝ I NĂM 2023

(so với cùng kỳ năm trước)



HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUÝ I NĂM 2023

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

1.187,2

nghìn tỷ đồng

▲ **11,4%**

Bán lẻ hàng hóa

161,1

nghìn tỷ đồng

▲ **28,4%**

Lưu trú, ăn uống

6,8

nghìn tỷ đồng

▲ **119,8%**

Du lịch lữ hành

150,2

nghìn tỷ đồng

▲ **17,6%**

Dịch vụ khác

TỔNG SỐ

1.505,3

nghìn tỷ đồng

▲ **13,9%**

Vận tải hành khách và hàng hóa

Vận tải hành khách

Vận chuyển

1.114,7

triệu lượt khách

▲ **28,8%**

Luân chuyển

63,7

tỷ khách.km

▲ **66,5%**



Vận tải hàng hóa

Vận chuyển

549,8

triệu tấn

▲ **16,2%**

Luân chuyển

117,4

tỷ tấn.km

▲ **21,9%**



Khách quốc tế đến Việt Nam

2.699,5

Nghìn lượt người

gấp **29,7** lần



Hàng không

2.423,9

nghìn lượt người

gấp **29,4** lần



Đường bộ

241,9

nghìn lượt người

gấp **28,0** lần



Đường biển

33,7

nghìn lượt người

gấp **936,3** lần

Phân theo vùng lãnh thổ (Nghìn lượt người)

Châu Á

1.939,6

Châu Âu

385,1

Châu Mỹ

263,9

Châu Úc

104,7

Châu Phi

6,2

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội
quý I năm 2023

Tổng số

583,1

nghìn tỷ đồng

▲ 3,7%

Nhà nước

153,0

nghìn tỷ đồng

▲ 11,5%

Ngoài NN

328,6

nghìn tỷ đồng

▲ 1,8%

FDI

101,5

nghìn tỷ đồng

▼ 1,1%

Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam
từ 1/1 đến 20/3/2023

Tổng vốn đăng ký

5,45 tỷ USD

▼ 38,8%

Tổng vốn thực hiện

4,32 tỷ USD

▼ 2,2%

XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA QUÝ I NĂM 2023

Xuất khẩu

79,17 tỷ USD

▼ 11,9%

Nhập khẩu

75,10 tỷ USD

▼ 14,7%

XUẤT SIÊU

4,07 tỷ USD

CHỈ SỐ GIÁ

99,77%

CPI tháng 3/2023
so với
tháng trước

103,35%

CPI tháng 3/2023
so với
tháng 3/2022

104,18%

CPI bình quân
quý I/2023
so với
quý I/2022

101,25%

Chỉ số giá vàng
bình quân quý I/2023
so với cùng
kỳ năm trước

103,45%

Chỉ số giá đô la Mỹ
bình quân quý I/2023
so với cùng
kỳ năm trước

MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI QUÝ I NĂM 2023

Lao động, việc làm

Lực lượng lao động 15 tuổi trở lên



52,2 triệu người

tăng hơn **1,0** triệu người
so với cùng kỳ năm trước

Tỷ lệ thất nghiệp của lao động
trong độ tuổi

2,25%



Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động
trong độ tuổi

1,94%



Thu nhập bình quân tháng của lao động
làm công hưởng lương



7,9

triệu đồng/tháng

Dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm



Sốt xuất huyết

20.538

trường hợp

(**03** người tử vong)



Tay chân miệng

2.796

trường hợp



Ngộ độc
thực phẩm

17 vụ

227

người bị ngộ độc

Tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên

Số vụ tai nạn

1.722

Bình quân 1 ngày

19

Vụ

Số người chết

1.436

Bình quân 1 ngày

16

người

Số người bị thương

917

Bình quân 1 ngày

10

người